TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 149/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 09 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 317/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Đức B, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

CCCD: 038091004042

Bị đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn C, xã H , tỉnh Thanh Hóa.

CCCD: 038193037462.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 144 và khoản 3,4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đức B và chị Mai Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Công nhận cháu Lê Khánh V, sinh ngày 12/10/2020; Lê Yến N, sinh ngày 18/3/2019 là con chung của chị Mai Thị T và anh Lê Đức B.

Chị T, anh B thống nhất thỏa thuận như sau: Giao cháu Lê Khánh V và cháu Lê Yến N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về pháp luật.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Nếu anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Đức B và chị Mai Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Đức B tự nguyện chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004788 ngày 11/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh B được nhận lại 150.000đồng. anh B đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND Khu vực 5 - thanh Hóa;*
- *Chi cục THADS tỉnh Thanh Hóa;*
- *Các đương sự;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn.*
- *Lưu: Hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương

TAND KHU VỰC 5

2MW090726.TL.QDBA
866